

BẢN TIN ĐỊNH KỲ

Tháng 08 năm 2021



LƯU HÀNH NỘI BỘ

SÀI GÒN



BIÊN TẬP

**Ban Thư ký
Chi hội Kế toán
Hiếu đúng – Làm đúng**

Kiểm duyệt nội dung

**LS. Huỳnh Di Hùng, Ban Cố vấn
ThS. Nguyễn Ngọc Phương Ngân,
TB. Tư vấn**



CHI HỘI KẾ TOÁN HIẾU ĐÚNG – LÀM ĐÚNG

Số 166, Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp.HCM.



+84 2839146139



+84 2839146140

Web: www.hieudunglamdung.vn

Email: info@hieudunglamdung.vn

PHẦN I:

Tổng hợp các văn bản có hiệu lực từ tháng 08 năm 2021

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực
THÔNG TƯ			
I	Thông tư 40/2021/TT-BTC về thuế GTGT, thuế TNCN với hộ kinh doanh	1/6/2021	1/8/2021
II	Thông tư 43/2021/TT-BTC về thuế GTGT)	11/6/2021	1/8/2021
III	Thông tư 45/2021/TT-BTC hướng dẫn áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết có hiệu lực từ ngày 03/8/2021.	18/6/2021	3/8/2021
IV	Thông tư 44/2021/TT- BTC Quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt	18/6/2021	5/8/2021
V	TT 02/2021-TT BLĐTBXH Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	24/6/2021	8/8/2021
VI	Thông tư 73/2021/TT-BCA Quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan	29/6/2021	29/6/2021



PHẦN II: Tóm tắt một số nội dung chính

THÔNG TƯ

I. Thông tư 40/2021/TT-BTC về thuế GTGT, thuế TNCN với hộ kinh doanh.

Từ ngày 01/8/2021, Thông tư 40/2021/TT-BTC có hiệu lực áp dụng, sẽ có những thay đổi, bổ sung mới thể hiện tính chặt chẽ về thuế đối với Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hơn quy định hiện hành tại Thông tư 92/2015/TT-BTC. Những điểm mới cần biết về thuế đối với Hộ kinh doanh áp dụng từ 01/8/2021.

1. Hiệu lực thi hành

a. Hiệu lực thi hành: Từ 1/8/2021

b. Chuyển tiếp:

- Thông báo thời hạn nộp thuế khoán của năm 2021 thực hiện quy định trước thời điểm thông tư này có hiệu lực đến hết năm 2021

- Hộ kinh doanh đủ điều kiện nộp thuế theo kê khai nếu đã thực hiện phương pháp khoán trước thời điểm hiệu lực của thông tư này và không có yêu cầu chuyển đổi phương pháp tính thuế thì tiếp tục nộp theo phương pháp khoán đến hết kỳ tính thuế 2021

- Tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho hộ khoán theo quy định của điểm đ, khoản 5 Điều 7 Nghị định 126/2020 thì thực hiện nghĩa vụ khai thay, nộp thuế thay từ thời điểm có hiệu lực của thông tư này.

2. Các nội dung mới về quản lý thuế liên quan đến doanh nghiệp

a. Đối tượng áp dụng: Bổ sung các đối tượng áp dụng sau:

- Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân

- Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân

- Chủ thầu xây dựng tư nhân

- Hoạt động thương mại điện tử, bao gồm cả trường hợp cá nhân có thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử

- Chuyển nhượng tên miền internet quốc gia Việt Nam “.vn”

b. Nguyên tắc và phương pháp chung

- Thêm một nhóm tính thuế đối với hộ, cá nhân kinh doanh ngoài 3 nhóm trước đây đã có: Hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai với tiêu chí lựa chọn là quy mô kinh doanh

- Bổ sung thêm các lĩnh vực kinh doanh của cá nhân mà tổ chức phải khấu trừ nộp thuế thay và cá nhân phải tự kê khai liên quan đến hoạt động kinh doanh TMĐT, nội dung số, các khoản thưởng, khuyến mại, hỗ trợ cho cá nhân...

- Thêm một nhóm tính thuế đối với hộ, cá nhân kinh doanh ngoài 3 nhóm trước đây đã có: Hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai với tiêu chí lựa chọn là quy mô kinh doanh

- Bổ sung thêm các lĩnh vực kinh doanh của cá nhân mà tổ chức phải khấu trừ nộp thuế thay và cá nhân phải tự kê khai liên quan đến hoạt động kinh doanh TMĐT, nội dung số, các khoản thưởng, khuyến mại, hỗ trợ cho cá nhân...

c. Quy định về nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế thay của tổ chức

❖ **Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân trong các trường hợp sau đây:**

- Tổ chức thuê tài sản của cá nhân mà trong hợp đồng thuê tài sản **có thoả thuận** bên **đi thuê** là người nộp thuế;

- Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân;

- Tổ chức **chi trả các khoản** thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền, các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác **cho hộ khoán**;

- Tổ chức tại Việt Nam là đối tác của nhà cung cấp nền tảng số ở nước ngoài (**không có cơ sở thường trú tại Việt Nam**) **thực hiện chi trả thu nhập** từ sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số cho cá nhân theo thoả thuận với nhà cung cấp nền tảng số ở nước ngoài;

- Tổ chức là chủ sở hữu **sàn giao dịch thương mại điện tử** thực hiện việc khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân theo lộ trình của CQT;

- **Tổ chức** khai thay, nộp thuế thay theo **ủy quyền** pháp luật dân sự.

❖ **Kỳ kê khai thuế thay của tổ chức:**

- Trường hợp khai thuế thay, nộp thuế thay cho đối tượng hướng dẫn tại điểm **a** nói trên thì tổ chức thực hiện khai thuế, nộp thuế theo tháng hoặc quý hoặc từng lần phát sinh kỳ **thanh toán** hoặc **năm dương lịch** theo quy định của pháp luật về quản lý thuế

- Trường hợp khai thuế thay, nộp thuế thay cho đối tượng hướng dẫn tại điểm **b, c, d, e** nói trên thì tổ chức thực hiện khai thuế, nộp thuế theo **tháng** hoặc **quý** theo quy định của pháp luật về quản lý thuế

- Trường hợp khai thuế thay, nộp thuế thay cho đối tượng hướng dẫn tại điểm **f** nói trên thì tổ chức, cá nhân thực hiện khai thuế, nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế **đối với cá nhân ủy quyền**.

- Trường hợp trong năm cá nhân phát sinh doanh thu từ **100 triệu đồng/năm** trở xuống **tại nhiều nơi**, cá nhân dự kiến hoặc xác định được tổng doanh thu trên 100 triệu đồng/năm thì **có thể ủy quyền** cho các tổ chức chi trả khai thuế thay, nộp thuế thay đối với doanh thu phát sinh tại đơn vị được ủy quyền trong năm tính thuế. **Riêng đối với hộ khoán** mà ngoài doanh thu khoán, hộ khoán còn nhận được các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền, khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác thì **tổ chức chi trả thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay theo thực tế** chi trả các khoản này trong năm tính thuế.

d. Phương pháp tính khấu trừ thuế

- Số thuế thực hiện khấu trừ được xác định bằng số tiền tổ chức chi trả cho cá nhân nhân với tỷ lệ % thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân.

- Tỷ lệ % thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân được ban hành kèm theo Phụ lục I của Thông tư 40/2021/TT-BTC.

Nguồn tham khảo: Bài Giảng thầy Trường tại: <http://hieudunglamdung.vn/tin-tuc/chuong-trinh-dao-tao-35/noi-dung-ky-sinh-hoat-thu-56-30052021-hoi-dap-cung-chuyen-gia-ke-toan-va-thue-278.html>

II. Thông tư 43/2021/TT-BTC về thuế GTGT

Thông tư 43/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc **sửa đổi, bổ sung khoản 11** Điều 10 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng (đã được sửa đổi, bổ

sung tại Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính).

1. Hiệu lực thi hành: Từ 1/8/2021

2. Sửa đổi khoản 7 Điều 11 Thông tư 219/2013: Làm rõ hơn căn cứ **xác định thuế suất 5%** đối với **thiết bị, dụng cụ y tế**. Theo đó, tại đoạn 1 thay vì “theo xác nhận của Bộ Y tế” được thay bằng “Có giấy phép nhập khẩu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn theo quy định pháp luật về y tế hoặc theo Danh mục trang thiết bị y tế thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BYT ngày 15/5/2018 của Bộ Y tế và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Bỏ cụm từ “theo xác nhận của Bộ Y tế” ở cuối đoạn 2.

Nguồn tham khảo: Bài Giảng thầy Trường tại: <http://hieudunglamdung.vn/tin-tuc/chuong-trinh-dao-tao-35/noi-dung-ky-sinh-hoat-thu-56-30052021-hoi-dap-cung-chuyen-gia-ke-toan-va-thue-278.html>

III. Thông tư 45/2021/TT-BTC hướng dẫn áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết có hiệu lực từ ngày 03/8/2021.

Theo đó, các điểm đáng chú ý được đề cập tại Thông tư số 45/2021/TT-BTC bao gồm:

1. Các giao dịch được đề nghị áp dụng APA

a. Giao dịch được đề nghị áp dụng APA là các giao dịch liên kết được quy định tại Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

b. Giao dịch được đề nghị áp dụng APA theo quy định tại Khoản 1, Điều này **phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:**

- Giao dịch thực tế đã phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế và sẽ tiếp tục diễn ra trong giai đoạn đề nghị áp dụng APA

- Giao dịch có cơ sở để xác định được bản chất giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế và có cơ sở để phân tích, so sánh, lựa chọn đối tượng so sánh độc lập theo quy định tại Điều 6 và Điều 7, Nghị định số 132/2020/NĐ-CP, dựa trên các thông tin, dữ liệu tuân thủ quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 42, Luật Quản lý Thuế

- Giao dịch không thuộc trường hợp có tranh chấp, khiếu nại về thuế

- Giao dịch được thực hiện minh bạch, không nhằm mục đích trốn, tránh thuế hoặc lợi dụng Hiệp định Thuế.

2. Nguyên tắc áp dụng APA

Đề nghị áp dụng APA của người nộp thuế được giải quyết trên cơ sở hồ sơ với các tài liệu, thông tin cần thiết theo quy định tại Khoản 3, Điều 41, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP do người nộp thuế cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời.

Việc phân tích, so sánh, lựa chọn đối tượng so sánh độc lập và phương pháp được sử dụng để so sánh, xác định giá của giao dịch liên kết thuộc phạm vi áp dụng của APA được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

Việc áp dụng cơ chế APA phải đảm bảo tuân thủ nguyên tắc được quy định tại Khoản 6, Điều 42, Luật Quản lý Thuế

3. Hồ sơ và thông tin, dữ liệu sử dụng

Hồ sơ đề nghị áp dụng APA thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 41, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Hồ sơ đề nghị áp dụng APA được thể hiện bằng ngôn ngữ **tiếng Việt**; trường hợp hồ sơ đề nghị áp dụng APA song phương và đa phương thì có thêm bản tiếng Anh. Người nộp thuế đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch.

Các thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu được sử dụng phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 42, Luật Quản lý thuế và Điều 17, Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

4. Trao đổi, đàm phán nội dung APA

Tổng cục Thuế thực hiện trao đổi, đàm phán nội dung APA với người nộp thuế (trong trường hợp đề nghị áp dụng APA đơn phương) hoặc với cơ quan Thuế đối tác và người nộp thuế (trong trường hợp đề nghị áp dụng APA song phương, đa phương)

Việc trao đổi, đàm phán nhằm thống nhất với người nộp thuế, cơ quan Thuế đối tác về các nội dung dự kiến tại bản dự thảo APA cuối cùng theo quy định tại Khoản 6, Điều 41, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp người nộp thuế đề nghị áp dụng APA song phương hoặc đa phương, người nộp thuế có trách nhiệm thông báo với bên liên kết thuộc phạm vi đề nghị áp dụng APA đề nghị cơ quan Thuế đối tác liên lạc và xúc tiến việc trao đổi, đàm phán với Tổng cục Thuế.

5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người nộp thuế

a. Quyền của người nộp thuế:

- Người nộp thuế có quyền đề nghị với Tổng cục Thuế về việc rút đơn hoặc dừng đàm phán tại bất cứ thời điểm nào trước khi APA được ký kết.

- Người nộp thuế có quyền mời hoặc thuê chuyên gia độc lập là người có kỹ năng, kiến thức phù hợp với nội dung APA để tham gia trao đổi, đàm phán APA.

- Trường hợp trong khi thực hiện APA đơn phương nếu có phát sinh việc đánh thuế trùng hoặc có sự điều chỉnh về thu nhập chịu thuế dẫn đến bất lợi cho người nộp thuế xuất phát từ quyết định của cơ quan Thuế đối tác, người nộp thuế có quyền đề nghị Tổng cục Thuế về việc sửa đổi hoặc hủy bỏ APA theo quy định tại Khoản 9 và Khoản 10, Điều 41, Nghị định 126/2020/NĐ-CP

b. Nghĩa vụ và trách nhiệm của người nộp thuế:

- Người nộp thuế có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác các thông tin, dữ liệu cho cơ quan Thuế trong quá trình tham vấn (nếu có), nộp hồ sơ chính thức, thẩm định, đàm phán, ký kết, thực hiện APA cũng như trong quá trình giải quyết đề nghị gia hạn, sửa đổi APA theo quy định tại Điều 97, Luật Quản lý Thuế

- Người nộp thuế có trách nhiệm lập và nộp các báo cáo APA thường niên cho từng năm tính thuế và báo cáo đột xuất (nếu có) trong giai đoạn hiệu lực của APA đã ký kết theo quy định tại Khoản 7, Điều 41, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

6. Quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan Thuế

a. Quyền hạn của Cơ quan Thuế

Cơ quan Thuế có quyền dừng đàm phán khi phát sinh ít nhất một trong các trường hợp sau:

- Việc tiếp tục đàm phán APA không đáp ứng được các nguyên tắc áp dụng APA quy định tại Luật Quản lý Thuế, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Điều 5, Thông tư này;
- Các bên liên quan không thống nhất được nội dung APA khi giai đoạn được đề nghị áp dụng APA kết thúc;
- Người nộp thuế hoặc cơ quan Thuế đối tác đề nghị dừng đàm phán APA.

b. Trách nhiệm của cơ quan Thuế

- Cơ quan Thuế có trách nhiệm quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện APA đã ký kết của người nộp thuế theo quy định tại Khoản 9, Điều 20, Nghị định 132/2020/NĐ-CP theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Hiệu lực APA

Thời gian có hiệu lực của APA đã ký kết tối đa là **03 năm tính thuế** nhưng không vượt quá số năm thực tế người nộp thuế đã hoạt động sản xuất kinh doanh và kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam.

8. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03/08/2021, thay thế Thông tư số 201/2013/TT-BTC

Đối với đề nghị áp dụng APA nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa được ký kết và giai đoạn đề nghị áp dụng APA chưa kết thúc tính đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì được tiếp tục giải quyết theo quy định tại Luật Quản lý Thuế, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Thông tư này.

Nguồn tham khảo:

<https://www2.deloitte.com/content/dam/Deloitte/vn/Documents/tax/vn-tax-alert-circular45-vn.pdf>

IV. Thông tư 44/2021/TT- BTC Quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt.

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 44/2021 quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt áp dụng từ ngày 5/8/2021.

Theo đó, giá nước sạch sinh hoạt cao nhất là 18.000 đồng/m³ ở các đô thị đặc biệt, đô thị loại 1 và 11.000 đồng/m³ ở khu vực nông thôn.

Cụ thể, khung giá nước sinh hoạt được quy định như sau:

Stt	Loại	Giá tối thiểu (đồng/m ³)	Giá tối đa (đồng/m ³)
1	Đô thị đặc biệt, đô thị loại 1	3.500	18.000
2	Đô thị loại 2, loại 3, loại 4, loại 5	3.000	15.000
3	Khu vực nông thôn	2.000	11.000

Lưu ý: Khung giá nước trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, áp dụng cho mức giá bán lẻ nước sạch bình quân do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Bên cạnh đó, lợi nhuận định mức đưa vào phương án giá nước sạch của đơn vị cấp nước chỉ cấp nước khu vực đô thị

hoặc khu vực nông thôn tối đa là 1.300 đồng/m³; đối với cấp nước đồng thời cho khu vực đô thị và khu vực nông thôn tối đa là 1.500 đồng/m³. Lợi nhuận định mức tối thiểu đưa vào phương án giá nước sạch của đơn vị cấp nước là 360 đồng/m³.

Ngoài ra, khách hàng sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt được chia thành 04 nhóm gồm: Hộ dân cư; Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh, phục vụ mục đích công cộng; Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất; Tổ chức, cá nhân kinh doanh, dịch vụ. Hệ số tính giá cụ thể đối với từng bộ thang, nhóm khách hàng do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong phương án giá nước sạch

Như vậy, khung giá nước sinh hoạt theo Thông tư này áp dụng từ ngày 05/8/2021 không có sự thay đổi so với khung giá nước sinh hoạt được quy định tại Thông tư 88/2012/TT-BTC.

Nguồn tham khảo:

<https://thuvienphapluat.vn/tintuc/vn/thoi-su-phap-luat/chinh-sach-moi/36429/khung-gia-nuoc-sinh-hoat-ap-dung-tu-ngay-05-8-2021>

<https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Chinh-sach-moi/tid/Quy-dinh-ve-khung-gia-nguyen-tac-phuong-phap-xac-dinh-gia-nuoc-sach-sinh-hoat/newsid/ED04B2B1-0C32-4E5D-B1C5-AD6301023CBC/cid/EB22014C-96F5-498F-9DB4-C03213F09B79>

V. Thông tư 02/2021-TT BLĐTBXH Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Ngày 24/6/2021, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư 02/2021/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Cụ thể, Thông tư quy định:

1. Đối tượng thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP bao gồm:

a. Đối tượng chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật;

b. Đối tượng tại Điều 5 Nghị định 20/2021/NĐ-CP không còn đủ điều kiện hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng;

c. Đối tượng chấp hành án phạt tù ở trại giam hoặc có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về thôi hưởng trợ cấp xã hội;

d. Đối tượng từ chối nhận chế độ, chính sách;

e. Đối tượng chấp hành án phạt tù ở trại giam hoặc có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thôi hưởng trợ cấp xã hội; Đối tượng từ chối nhận chế độ, chính sách;

f. Sau 03 tháng kể từ khi có quyết định tạm dừng chi trả trợ cấp xã hội quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 của Thông tư: “*Đối tượng không chấp hành yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định lại mức độ khuyết tật, xác định lại điều kiện hưởng trợ giúp xã hội hoặc thông tin khác phục vụ công tác quản lý đối tượng*” mà đối tượng vẫn không chấp hành yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định lại mức độ khuyết tật, xác định lại điều kiện hưởng trợ giúp xã

hội hoặc thông tin khác phục vụ công tác quản lý đối tượng.

2. Tạm dừng hưởng trợ cấp xã hội, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng trong các trường hợp sau:

a. Đối tượng không nhận chế độ, chính sách liên tục từ 03 tháng;

b. Đối tượng không chấp hành yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc xác định lại mức độ khuyết tật, xác định lại điều kiện hưởng trợ giúp xã hội;

c. Đối tượng bị tạm giam từ 02 tháng trở lên đối với trường hợp đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

3. Chế độ đối với đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp quy định tại khoản 2 Điều 18 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP:

a. Đối với đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp, tiền ăn trong thời gian sống tại hộ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng là 60.000 đồng/người/ngày.

b. Chi phí điều trị trong trường hợp phải điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện như sau: Đối với đối tượng có thể bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế. Đối với đối tượng không có thể bảo hiểm y tế được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh bằng mức quỹ bảo hiểm y tế chi trả cho các đối tượng có thể bảo hiểm y tế tương ứng.

Chi phí đưa đối tượng về nơi cư trú hoặc đến cơ sở trợ giúp xã hội: Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương. Trường hợp bố trí bằng

phương tiện của cơ quan, đơn vị, mức hỗ trợ bằng 0,2 lít xăng/1 km tính theo số km thực tế và giá xăng tại thời điểm vận chuyển. Trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng thỏa thuận, phù hợp với giá cả trên địa bàn tại thời điểm thuê.

Thông tư có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký. Các chế độ, chính sách quy định tại Thông tư được áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021. Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 2 và 4 Điều 11 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư 02/2021/TT-BLĐTBXH có hiệu lực thi hành.

Nguồn tham khảo:

<https://sotp.langson.gov.vn/mot-so-quy-dinh-cua-thong-tu-022021-tt-blđtbxh-huong-dan-thuc-hien-mot-so-dieu-cua-nghi-dinh>

VI. Thông tư 73/2021/TT-BCA Quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan

Ban hành mẫu hộ chiếu mới có gắn chip

Sau Căn cước công dân, hộ chiếu cũng sẽ là loại giấy tờ tùy thân tiếp theo được gắn chip, theo mẫu được công bố tại

Thông tư 73/2021/TT-BCA, có hiệu lực từ ngày 14/8/2021.

Chip được gắn ở bìa sau của hộ chiếu lưu thông tin được mã hóa của người mang hộ chiếu và chữ ký số của người cấp. Chip có thể lưu trữ đặc điểm sinh trắc học, ảnh hay thông tin cá nhân của công dân.

Ngoài điểm mới đó, tương tự như trước đây, trang bìa của hộ chiếu vẫn in quốc hiệu, quốc huy, tên hộ chiếu. Hình ảnh tại các trang trong hộ chiếu là phong cảnh, di sản văn hóa Việt Nam, kết hợp cùng họa tiết trống đồng.

Ngôn ngữ sử dụng trong hộ chiếu gồm 2 ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Việc cấp hộ chiếu có gắn chip đã được nêu tại Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam (có hiệu lực từ ngày 1/7/2020), nhưng nay Bộ Công an mới ban hành mẫu hộ chiếu này.

Nguồn tham khảo:

https://stp.bacgiang.gov.vn/hien-thi-noi-dung/-/asset_publisher/wtMnvtGfRUNi/content/bay-quy-inh-moi-noi-bat-se-co-hieu-luc-tu-ngay-01-8-2021

